

CÔNG TY CP DƯỢC LÂM ĐỒNG (LADOPHAR)
LAM DONG PHARMACEUTICAL
JOINT STOCK COMPANY

Số/No.: 06/CV-HĐQT/LDP/2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 04 năm 2026

Lam Dong, April 13, 2026

TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 07/04/2026
ĐỂ THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026
SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DATE 07/04/2026

FOR THE PURPOSE OF THE ATTENDING AN ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX)

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

To: *Vietnam Exchange (VNX)*

Ha Noi Stock Exchange (HNX)

I. CƠ CẤU SỔ HỮU/ *SHAREHOLDING STRUCTURE*:

Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán LDP do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (CNVSDC) lập tại ngày đăng ký cuối cùng 07/04/2026 có tổng cộng 713 tổ chức và cá nhân, tuy nhiên trong đó Công ty đang nắm giữ 32 cổ phiếu quỹ nên trong danh sách do VSDC cung cấp có tên của chính Công ty.

→ Do đó tổng số cổ đông của Công ty là 713 cổ đông; và tổng số lượng cổ phiếu là 18.728.167 cổ phiếu, trong đó số cổ phiếu đang lưu hành là 18.728.135 cổ phiếu.

According to the consolidated list of LDP securities holders prepared by the Ho Chi Minh City Branch of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (CNVSDC) as of the record date on 07/04/2026, there are a total of 713 organizations and individuals. However, it should be noted that The Company holds 32 treasury shares; therefore, its own name appears on the list provided by VSDC.

As a result, the total number of shareholders of the Company is 713, and the total number of shares is 18.728.167 shares, of which the number of outstanding shares is 18.728.135 shares.

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Shareholding structure on type of shareholder basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Shareholding structure	
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Tổ chức	Cá nhân
					Institution	Individual
1	Cổ đông Nhà nước/ <i>The State as shareholder</i>					
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI/ <i>Founder/ FDI Shareholder</i>					
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>					
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>					
3	Cổ đông lớn/ <i>Major Shareholders</i>	6.713.825	35,8488	02	02	0
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	6.713.825	35,8488	02	02	0
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>					
4	Công đoàn Công ty/ <i>Labor Union</i>					
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>					
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>					
5	Cổ phiếu quỹ/ <i>Treasury shares</i>	32	0,00017	01	01	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ <i>Preferred stocks</i>					
7	Cổ đông khác/ <i>Other shareholders</i>	12.014.310	64,151	710	10	700
	- Trong nước/ <i>Domestic</i>	11.988.013	64,0106	701	07	694
	- Nước ngoài/ <i>Foreign</i>	26.297	0,1404	9	03	06
TỔNG CỘNG/ TOTAL		18.728.167	100	713	13	700
Trong đó: - Trong nước/Domestic		18,701,870	99,8596	704	10	694
- Nước ngoài/ <i>Forein</i>		26.297	0,1404	9	03	06

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of Share	Proportional ownership (%)	Number of Shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ <i>Major Shareholders (excluding Professional investors)</i>					
	- Trong nước/ Domestic					
	- Nước ngoài/ Foreign					
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VĐL trở lên/ <i>Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital</i>	6.713.825	35,8488	02	02	0
	- Trong nước/ Domestic	6.713.825	35,8488	02	02	0
	- Nước ngoài/ Foreign					
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VĐL <i>Professional investors which hold share in an amount under 5% of the paid-up capital</i>	6.849.453	36.573	28	11	17
	- Trong nước/ Domestic	6.833.783	36,4893	25	08	17
	- Nước ngoài/ Foreign	15.670	0,0837	03	03	
TỔNG CỘNG/ Total		13.563.278	72,4218	30	13	17

Ghi chú/ Note:

- Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được định nghĩa tại Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.

Professional investor term is defined in Article 11 Security Law No 54/2019/QH14

- Cổ đông lớn là cổ đông nắm giữ cổ phiếu tương đương 5% vốn điều lệ hoặc hơn.

Major shareholders are those holding >5% of paid-up capital of a company.

- (*): nêu số lượng tổ chức, cá nhân của từng loại hình.

(*): *Count the number of institution, individual.*

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
<i>Subject</i>	<i>Number of transfer restriction shares</i>	<i>Number of free transfer shares</i>	<i>Total</i>	<i>Proportional ownership (%)</i>
I. Người nội bộ/ Internal persons (*)	633.000	392	633.392	3,3820
II. Cổ phiếu quỹ/ Treasury stocks		32	32	0,00017
III. Công đoàn Công ty/Labor Union				
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Shareholders own preferred stocks (If any)				
V. Cổ đông khác/ Other Shareholders	5.932.000	12.163.043	18.095.043	96,6178
1. Trong nước/ Domestic	5.932.000	12.136.746	18.068.746	96,4773
1.1 Cá nhân/ individual	2.000	11.016.721	11.018.721	58,8350
1.2 Tổ chức/ Institutional	5.930.000	1.119.725	7.049.725	37,6423
- Trong đó Nhà nước/State Shareholders:				
2. Nước ngoài/ Foreign		26.297	26.297	0,1404
2.1 Cá nhân/ Individual		10.627	10.627	0.0567
2.2 Tổ chức/ Institutional		15.670	15.670	0.10836
TỔNG CỘNG/TOTAL:	6.565.000	12.163.167	18.728.167	100

(*) Số lượng của cá nhân Người nội bộ sở hữu, không tính số cổ phần đại diện sở hữu.

(*) The number of shares owned by the individual insider, excluding shares held in a representative capacity.

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT / LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE:

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
A. Cổ đông nhà nước/State shareholders							
Tổng Cộng A/ Total A							
B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders							
1	Công ty Cổ phần Louis Holdings	1101573295	05/06/2012	Số 14 Nguyễn Văn Vĩnh, Phường Tân Bình, TP.HCM	1.320.225	7,0494	
2	CÔNG TY CỔ PHẦN APC HOLDINGS	0106795797	21/06/2024	132 Mai Hắc Đế, P. Hai Bà Trưng, Hà Nội	5.393.600	28,7994	
Tổng Cộng B/ Total B					6.713.825	35,8488	
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders							
Tổng Cộng C/ Total C							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)							
Tổng Cộng D/ Total D							
Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)					6.713.825	35,8488	

Ghi chú/ Note:

Trường hợp là cổ đông Nhà nước: cần ghi rõ tên người đại diện sở hữu cổ phần nhà nước làm thành viên chủ chốt của Công ty niêm yết (nếu có).

In case of State Shareholders: Note the name of persons represent for the ownership of the State.

III. BẢNG CHI TIẾT VỀ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ / DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng(*)	Cổ phần chuyển nhượng tự do(*)	Tổng cộng (*)	Tỷ lệ sở hữu % (*)
No.	Name	Position	Number of Transfer restriction shares	Number of Free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
1	Phạm Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo Pháp luật	88.792		88.792	0,4741
2	Lê Tiến Thịnh	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện theo Pháp luật	100.000		100.000	0,5340
3	Đặng Thùy Linh	Thành viên HĐQT	69.957		69.957	0,3735
4	Nguyễn Thị Hồng Giang	Thành viên HĐQT	374.251		374.251	1,9983
5	Lê Xuân Thanh	Thành viên độc lập HĐQT				
6	Đào Thị Nga	Trưởng ban kiểm soát				
7	Võ Kim Nguyên	Thành viên ban kiểm soát				
8	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên ban kiểm soát				
9	Ngo Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc thường trực / Giám đốc – Người đại diện theo Pháp luật của Công ty con				
10	Trương Thị Ngọc Hiền	Kế toán trưởng		92	92	0,0007
11	Phạm Thị Huyền Trang	Người phụ trách quản trị công ty/ Thư ký Hội đồng quản trị		300	300	0,0016
TỔNG CỘNG/ TOTAL:			633.000	392	633.392	3,3820

Ghi chú/ Note: Nếu Người nội bộ đại diện vốn cho tổ chức khác làm thành viên HĐQT, BKS thì ghi rõ thông tin liên quan của tổ chức và người đại diện sở hữu vốn tại những cột có dấu (*)

If Internal persons are those who represent for the insitutional investors and acting in BOD, BOM, Supervisory Board, there shall be detailed information of the share ownership and portion representation of each person in column that has symbol ()*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM TRUNG KIÊN